

Số: 115 /2025/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 9074/TTr-STC ngày 09/12/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An (trừ đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị thuộc Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

Điều 3. Nguyên tắc trang bị xe ô tô chuyên dùng

1. Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng.

2. Số lượng xe ô tô chuyên dùng được quy định tại Quyết định này là mức tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn kinh phí thực hiện mua sắm, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

3. Không quy định mức giá tối đa đối với xe ô tô chuyên dùng (lĩnh vực y tế và lĩnh vực khác) được tiếp nhận từ nguồn tài trợ, viện trợ hoặc các tổ chức, cá nhân tự nguyện cho tặng.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế:

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế thực hiện theo Phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực khác:

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực khác được quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ thực hiện theo Phụ lục số II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này, tình trạng hiện có và nhu cầu cần thiết trang bị xe ô tô chuyên dùng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập kế hoạch và dự toán kinh phí mua sắm, tổng hợp trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 và Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ, Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định tiêu chuẩn, định mức khi mua sắm, điều chuyển, thu hồi, thanh lý xe ô tô chuyên dùng; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung định mức, các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/12/2025 và thay thế Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 07/7/2021, Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 và Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

UBND TỈNH NGHỆ AN**PHỤ LỤC I**

Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số: *445* /2025/QĐ-UBND ngày *19* /12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giường bệnh theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 1 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025) và Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế			
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
			Số xe tối đa	Chủng loại xe		
I	Ngành Nội vụ					
1	Trung tâm Điều dưỡng người có công với cách mạng		1	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển người có công đi cấp cứu
2	Trung tâm điều dưỡng thương binh Nghệ an		1	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển thương binh, bệnh binh đi cấp cứu
II	Ngành y tế					
1	Bệnh Viện Sản - Nhi Nghệ An	1.370	10	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ công tác chỉ đạo phòng bệnh; nghiên cứu khoa học; chỉ đạo tuyến cơ sở về chuyên môn, kỹ thuật; đào tạo phát triển mạng lưới chuyên khoa Sản Nhi...
2	Bệnh viện Y học cổ truyền	900	6	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ công tác chỉ đạo tuyến phục hồi chức năng đến tuyến dưới và cộng đồng
3	Bệnh viện Tâm thần	275	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ công tác chỉ đạo y tế dân số tuyến dưới và cộng đồng về bệnh tâm thần phân liệt, động kinh nơi cộng đồng.

82

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giường bệnh theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 1 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025) và Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế			
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
			Số xe tối đa	Chủng loại xe		
4	Bệnh viện Phổi	580	5	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
			3	Xe chụp X.quang lưu động đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	3.000	Chụp X.quang lưu động phục vụ công tác khám sàng lọc tại cộng đồng giúp tầm soát bệnh Lao
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ công tác chỉ đạo tuyến Phòng chống bệnh Lao
5	Bệnh viện Phục hồi chức năng	390	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ công tác chỉ đạo tuyến hoạt động phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
6	Bệnh viện Nội tiết	300	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ công tác chỉ đạo tuyến hoạt động phòng chống đái tháo đường
7	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc	675	6	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo tuyến, khám sàng lọc các bệnh về Mắt theo chương trình phòng chống mù lòa trên địa bàn khu vực Tây Bắc tỉnh Nghệ An

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giường bệnh theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 1 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025) và Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế			
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
			Số xe tối đa	Chủng loại xe		
8	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam	300	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo tuyến, khám sàng lọc các bệnh về Mắt
9	Bệnh viện Da liễu	50	1	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ công tác chỉ đạo tuyến hoạt động phòng chống bệnh phong cho các đơn vị tuyến dưới
10	Bệnh viện Mắt	130	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ nhiệm vụ chỉ đạo tuyến, khám sàng lọc các bệnh về Mắt theo chương trình phòng chống mù lòa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
11	Trung tâm Pháp y		1	Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi	1.500	Vận chuyển tử thi
			1	Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực phòng chống bệnh truyền nhiễm thuộc lĩnh vực y tế đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.200	Vận chuyển vật tư, trang thiết bị và đưa đón y bác sĩ người giúp việc để hoạt động chuyên môn khám nghiệm, giám định pháp y và hội chẩn

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giường bệnh theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 1 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025) và Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế			
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
			Số xe tối đa	Chủng loại xe		
12	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	15	1	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe chụp X.quang lưu động đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	3.000	Sử dụng chụp X.quang lưu động khi đi khám sức khoẻ định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.
			1	Xe xét nghiệm lưu động đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.700	Lấy mẫu xét nghiệm dịch bệnh tại các ổ dịch trên địa bàn toàn tỉnh.
			1	Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.200	Tiếp nhận, vận chuyển vắc xin, sinh phẩm; cung cấp vắc xin phục vụ các trung tâm y tế trên địa bàn toàn tỉnh.
			1	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.200	Vận chuyển máu và các mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế, từ các huyện, xã trong tỉnh về Trung tâm và chuyển Viện VSĐT Trung ương
			1	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	800	Chở máy phun và hoá chất đi xử lý chống dịch, xử lý vệ sinh môi trường tại các huyện, xã trong địa bàn toàn tỉnh.
			1	Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.200	Vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực phòng chống bệnh truyền nhiễm
			1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ các đoàn công tác giám sát, chỉ đạo tuyến trong lĩnh vực y tế dự phòng, tập huấn cho các đơn vị y tế tuyến xã trong toàn tỉnh.
13	Trung tâm Huyết học - Truyền máu	120	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe lấy máu đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	4.500	Phục vụ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực y tế của đơn vị (hiển máu lưu động, lấy máu, tiếp nhận máu, ...)

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giường bệnh theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 1 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025) và Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế			
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
			Số xe tối đa	Chủng loại xe		
14	Bệnh viện Ung bướu	1300	10	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe chụp X Quang lưu động (đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế)	3.000	Xe ô tô chuyên dùng chụp X-quang lưu động được trang bị máy X-quang kỹ thuật số hiện đại, phục vụ khám sàng lọc ung thư và các chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống bệnh ung thư.
			1	Xe ô tô vận chuyển nguồn phóng xạ (đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế)	1.500	Phục vụ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực y tế của đơn vị (có gắn hoặc sử dụng thiết bị bảo đảm an toàn bức xạ, dùng để vận chuyển nguồn phóng xạ phục vụ hoạt động chẩn đoán, xạ trị và các ứng dụng y học hạt nhân của bệnh viện.)
15	Bệnh viện Chấn thương - Chính hình	280	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh các bệnh chuyên khoa chấn thương - chính hình và chỉ đạo tuyến cơ sở về chuyên môn kỹ thuật, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho các bệnh viện tuyến dưới theo Đề án Xây dựng và phát triển Bệnh viện vệ tinh
16	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm		1	Xe vận chuyển mẫu bệnh phẩm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm. Thực hiện công tác lấy mẫu kiểm nghiệm trên địa bàn tỉnh, công tác thẩm định, công tác phối hợp thanh tra, đoàn liên ngành, công tác phối hợp lấy mẫu đột xuất, công tác khác.
17	Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh	910	7	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
			1	Xe chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ công tác chuyển giao kỹ thuật, đào tạo, hỗ trợ chuyên môn.

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giường bệnh theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 1 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025) và Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế			
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
			Số xe tối đa	Chủng loại xe		
18	Bệnh viện Đa khoa Thanh chương	380	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
19	Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Lưu	355	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
20	Bệnh viện Đa khoa Yên Thành	390	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
			1	Xe chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.500	Phục vụ công tác chuyển giao kỹ thuật, đào tạo, hỗ trợ chuyên môn.
21	Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu	350	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
22	Bệnh viện Đa khoa Nghi Lộc	370	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu giường bệnh theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 1 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025) và Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế			
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
			Số xe tối đa	Chủng loại xe		
23	Bệnh viện Đa khoa Đô Lương	300	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng
24	Trung tâm Y tế Hưng Nguyên	100	3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.200	Phục vụ vận chuyển máu và các loại mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế; vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm
25	Trung tâm Y tế Nam Đàn	175	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.200	Phục vụ vận chuyển máu và các loại mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế; vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm
26	Trung tâm Y tế Anh Sơn	250	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.200	Phục vụ vận chuyển máu và các loại mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế; vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm
27	Trung tâm Y tế Tân Kỳ	200	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	1.200	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
			1	Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế	1.200	Phục vụ vận chuyển máu và các loại mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế; vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm

UBND TỈNH NGHỆ AN**PHU LUC II**

Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực khác (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số: 115 /2025/QĐ-UBND ngày 19 /12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 2 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025)			
		Số xe tối đa (xe)	Chủng loại xe	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An	2	Xe từ 17 đến 29 chỗ	Xác định tại thời điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng	Xe phục vụ giám sát, tiếp xúc cử tri
2	Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An	2	Xe từ 17 đến 29 chỗ		Xe chờ đại biểu, khách trung ương
3	Thanh tra tỉnh Nghệ An	2	Xe từ 17 đến 29 chỗ		Xe phục vụ đoàn thanh tra liên ngành
4	Trường PTTH dân tộc nội trú Nghệ An	1	Xe 22 đến 35 chỗ		Xe chờ giáo viên, học sinh đi thực tế
5	Trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe chờ giáo viên, học sinh đi thực tế trong các hoạt động giáo dục
6	Trung tâm giáo dục thường xuyên số 2 Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe chờ giáo viên, học sinh đi thực tế trong các hoạt động giáo dục
7	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe chờ giáo viên, học sinh đi thực tế trong các hoạt động giáo dục
8	Cơ quan Sờ Xây dựng	1	Xe 17 - 29 chỗ		Phục vụ Đoàn công tác chỉ đạo kiểm tra các công trình giao thông
9	Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Nghệ An	Theo nhu cầu thực tế	Xe tập lái		Xe phục vụ đào tạo lái xe tập lái, sát hạch cấp giấy phép lái xe
10	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Nghệ An	2	Xe có kết cấu đặc biệt		Xe hộ tổng tiền thu phí bảo trì đường bộ nộp ngân hàng tại 02 cơ sở
11	Trung tâm điều dưỡng thương binh Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Phục vụ đưa đón thương bệnh binh
12	Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng Nghệ An	1	Xe 52 chỗ		Phục vụ đưa đón người có công và xe chở lương thực phẩm
		1	Xe 17 - 29 chỗ		

TT	Đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 2 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025)			
		Số xe tối đa (xe)	Chủng loại xe	Mức giá tối đa (triệu đồng/xه)	Mục đích sử dụng
13	Trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Bắc Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ	Xác định tại thời điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng	Xe chở giáo viên, học sinh đi thực tế, chở dụng cụ giảng dạy
14	Trường Trung cấp kinh tế - công nghiệp - thủ công nghiệp Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe chở giáo viên, học sinh đi thực tế, chở dụng cụ giảng dạy
15	Trường Trung cấp kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe chở giáo viên đi tuyển sinh, chở giáo viên, học sinh đi thực tế, thực tập, chở dụng cụ giảng dạy
16	Trường Trung cấp kinh tế - Kỹ thuật miền Tây Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe chở giáo viên đi tuyển sinh, chở giáo viên, học sinh đi thực tế, thực tập, chở dụng cụ giảng dạy
17	Trung tâm giáo dục – dạy nghề người khuyết tật tỉnh Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe vận chuyển trang thiết bị phục vụ công tác dạy nghề cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh, vận chuyển chuyên tuyến khám bệnh cho học sinh khuyết tật ở nội trú, chở giáo viên, học viên đi thực tế.
18	Trường Trung cấp dân tộc nội trú Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe chở giáo viên, học sinh đi thực tế, chở dụng cụ giảng dạy
19	Chi cục chăn nuôi và thú y Nghệ An	1	Xe tải bảo ôn		Xe chuyên bảo ôn chở thuốc thú y
20	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Nghệ An	1	Xe gắn thiết bị chuyên dùng		Xe gắn thiết bị chuyên dùng để phục vụ công tác kiểm định lưu động vệ sinh an toàn thực phẩm
21	Cơ quan Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	Xe 17 - 29 chỗ		Phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị
22	Trung tâm văn hoá tỉnh Nghệ An	1	Xe 35 chỗ		Chở diễn viên đi biểu diễn
		1	Xe tải 2 - 3 tấn	Phục vụ chở đạo cụ, âm thanh	

TT	Đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 2 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025)			
		Số xe tối đa (xe)	Chủng loại xe	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
23	Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An	2	xe 34 chỗ		Phục vụ chở đạo cụ, âm thanh và chở diễn viên đi biểu diễn
		1	Xe tải 3,5- 4 tấn		
		1	Xe tải 6 - 8 tấn		Phục vụ chở đạo cụ, âm thanh
		1	Xe 39 chỗ		Chở diễn viên đi biểu diễn
24	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Nghệ An	2	Xe từ 22 đến 35 chỗ		Phục vụ các giải thi đấu thể thao
25	Thư viện tỉnh Nghệ An	1	Xe tải gắn tủ thư viện lưu động đa phương tiện		Xây dựng tủ sách thư viện trên địa bàn tỉnh
26	Trường Phổ thông năng khiếu thể dục thể thao tỉnh Nghệ An	1	Xe từ 22 đến 35 chỗ		Xe phục vụ công tác đưa các vận động viên đi thi đấu
27	Bảo tàng Nghệ An - Xô viết Nghệ Tĩnh	1	Xe tải 3,5 tấn	Xác định tại thời điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng	Xe chở vật tư, trang thiết bị (tài liệu, hiện vật, tranh ảnh, pano, áp phích...) phục vụ trưng bày lưu động
		1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe chở các chuyên gia đi khảo sát, sưu tầm, hiện vật, khảo cổ học; phục vụ trưng bày lưu động trên địa bàn toàn quốc
28	Bệnh viện Mắt Nghệ An	1	Xe 30 chỗ		Chở cán bộ, bác sỹ và nhân viên y tế đến các địa bàn của tỉnh
29	Trung tâm huyết học truyền máu tỉnh Nghệ An	1	Xe tải thùng bảo ôn		Vận chuyển và bảo quản máu
		1	Xe từ 22 đến 29 chỗ		Chở cán bộ, bác sỹ và dụng cụ đi lấy máu
		1	Xe từ 45 đến 47 chỗ		Chở cán bộ, bác sỹ và dụng cụ đi lấy máu
30	Bệnh viện ung bướu Nghệ An	1	Xe từ 22 đến 29 chỗ		Chở cán bộ, bác sỹ và nhân viên y tế đến các địa bàn của tỉnh
31	Bệnh viện Phổi Nghệ An	1	Xe từ 22 đến 29 chỗ		Chở cán bộ, bác sỹ và nhân viên y tế đến các địa bàn của tỉnh



TT	Đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm b khoản 2 điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025)			
		Số xe tối đa (xe)	Chủng loại xe	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
32	Bệnh viện Đa khoa Đô Lương	1	Xe rác	Xác định tại thời điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng	Vận chuyển rác thải y tế
33	Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh	1	Xe 17 - 29 chỗ		Chở cán bộ, bác sỹ và nhân viên y tế đến các địa bàn của tỉnh
34	Bệnh viện Đa khoa Yên Thành	1	Xe 17 - 29 chỗ		Chở cán bộ, bác sỹ và nhân viên y tế đến các địa bàn của tỉnh
35	Trung tâm hỗ trợ, tư vấn tài chính Nghệ An	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe phục vụ đào tạo, tư vấn tài chính; chở biên lai ấn chỉ, máy móc thiết bị
36	Trường Đại học Nghệ An	1	Xe 35 chỗ		Xe chở giáo viên, sinh viên đi thực tế
37	Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An	Theo nhu cầu thực tế	Xe phục vụ dạy nghề, tập lái		Xe phục vụ dạy nghề, tập lái
38	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Nghệ An	1	Xe 39 chỗ		Xe chở giáo viên, sinh viên
39	Trường Đại học Y khoa Vinh	1	Xe 45 đến 47 chỗ		Xe chở giáo viên, sinh viên
40	Trường Cao đẳng du lịch - Thương mại Nghệ An	2	xe từ 22 đến 35 chỗ		Xe chở giáo viên, sinh viên
41	Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc	1	Xe 17 - 29 chỗ		Xe chở giáo viên, sinh viên; chở dụng cụ giảng dạy
		1	Xe 45 đến 47 chỗ		
42	Các cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường quản lý (UBND các xã, phường giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị)	Theo nhu cầu thực tế	Xe quét rác		Xe quét rác
			Xe chở rác		Xe chở rác
			Xe cần cẩu		Xe cần cẩu
			Xe nâng	Xe nâng	
			Xe xúc lật, máy đào	Xe xúc lật, máy đào	
			Xe ủi	Xe ủi	
			Xe bồn, tưới cây	Xe bồn, tưới cây	
			Xe hút bùn	Xe hút bùn	
			Xe tải nhỏ	Xe tải nhỏ phục vụ công tác an ninh trật tự	
			Xe chuyên dùng có dấu hiệu nhận biết	Xe phục vụ tuyên truyền lưu động và hoạt động liên quan khác,...(xe có gắn lô gô nhận biết)	
43	Ban quản lý nghĩa trang xã, phường	Theo nhu cầu thực tế	Xe tang lễ	Xe tang lễ, xe chở thân nhân	